

Bản án số: 02/2024/DS-PT
Ngày 16 – 02 – 2024
V/v tranh chấp Đòi tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phan Công Trí.

Các Thẩm phán:

- Ông Trương Thanh Dũng.
- Bà Giang Thị Cẩm Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 213/2023/TLPT-DS, ngày 30/11/2023 về việc “*Tranh chấp Đòi tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2023/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 220/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Văn X**, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo ông **Phạm Văn X** là nguyên đơn trình bày: Qua người giới thiệu làm mai mối nên quen biết và tìm hiểu tình cảm với bà **Nguyễn Thị P**. Qua thời gian tìm hiểu, ông và bà P thống nhất tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương.

Ngày 03/02/2023 (âm lịch) gia đình ông qua nhà bà P, ông cho bà P 05 chỉ vàng 24k để ông và bà P làm của sau khi kết hôn với nhau. Hai bên thống nhất tổ chức đám cưới vào ngày 25, 26 tháng 02 năm 2023 (âm lịch). Để tổ chức đám cưới thì ông có nộp tài cho bà P là 20.000.000 đồng, bà P là người trực tiếp nhận.

Ngày 22/02/2023 (dương lịch), nhằm ngày 14/02/2023 (âm lịch) ông có gọi điện thoại cho bà P kêu bà P cùng ông đi ra tiệm V tại xã T, thành phố C để mua vàng chuẩn bị cho đám cưới. Ông đã mua 14 chiếc vòng ximen (vàng 610) trọng lượng 1,1 lượng vàng 18k; 01 đôi bông tai 7,6 phân vàng 18k (vàng 610); 01 sợi dây chuyền và mặt dây chuyền 6,5 chỉ vàng 18k (vàng 610); tổng cộng là 18 chỉ 2 phân 6 ly vàng 18k; ông đã trả đủ tiền cho tiệm V; sau đó ông đem qua nhà đưa cho bà P đeo.

Sau khi trình ngày tổ chức đám cưới, giữa ông và P xảy ra mâu thuẫn cãi vã với nhau, lý do là khi ông qua nhà bà P để phụ giúp dọn nhà, bà P nhiều lần đuổi ông về, do đó ông không muốn tổ chức đám cưới nên có cùng với bà Đặng Thị L, ông Ngô Văn K qua nhà bà P để thông báo việc huỷ tổ chức đám cưới, ngày tổ chức đám cưới ông không qua đón dâu. Ông và bà P chưa đăng ký kết hôn, không có con chung, không chung sống với nhau như vợ chồng. Việc ông đưa vàng cho bà P đeo là đưa cho chung ông và bà P để làm của khi ông và bà P thành vợ chồng, ông không cho riêng bà P.

Đối với số vàng: Bà P chỉ thừa nhận là ngày 03/02/2023 ông chỉ cho 04 chỉ vàng 24k, do đó ông đồng ý theo ý kiến của bà P là ông chỉ đưa cho bà P 04 chỉ vàng 24k.

Nay ông yêu cầu bà P trả cho ông 02 chỉ vàng 24k và 8 chỉ 7 phân 5 ly vàng 18k, loại vàng lưu hành tại địa phương (tương ứng $\frac{1}{2}$ số vàng đã đưa cho bà P). Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với: 03 chỉ vàng 24k, 9 chỉ 5 phân 1 ly vàng 18k, số tiền 20.000.000 đồng.

Theo bà Nguyễn Thị P là bị đơn trình bày: Thông qua bạn bè, bà và ông Phạm Văn X quen biết với nhau, qua thời gian tìm hiểu và có tình cảm, bà và ông X thống nhất đi đến tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương.

Ngày 03 tháng 02 năm 2023 (âm lịch) ông X có qua nhà bà để xuống mối, ông X có cho bà 0 chỉ vàng 24k, ông X cho vàng để sau này tổ chức đám cưới thì ông X không cho vàng nữa.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023 (âm lịch) bà và ông X đi mua vàng cưới tại tiệm V tại xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau, ông X mua 14 chiếc vòng (vàng 610) trọng lượng 1,1 lượng vàng 18k; 01 đôi bông tai 7,6 phân vàng 18k (vàng 610); 01 sợi dây chuyền và mặt dây chuyền 6,5 chỉ vàng 18k (vàng 610); tổng cộng là 18 chỉ 2,6 phân vàng 18k; ông X là người trả tiền cho tiệm V; sau đó về nhà của bà, ông X mới đưa vàng cho bà đeo. Như vậy, ông X đã đưa cho bà 04 chỉ vàng 24k và 18 chỉ 2,6 phân vàng 18k và bà đã giữ số vàng này. Lý do cho vàng nêu trên là để tới đám cưới không phải cho nữa mà chỉ trình với dòng họ hai bên tại buổi lễ, khi tới lễ rước dâu, ông X không cần phải cho vàng nữa.

Trong ngày 14 tháng 02 năm 2023 (âm lịch), ông X qua nhà bà để nộp tài đám cưới 20.000.000 đồng.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023 (âm lịch) ông X qua nhà bà mượn lại 03 chỉ vàng 24k, với lý do là ông X đi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người khác, khi bà đưa vàng cho ông X, chỉ có mặt ông X, không ai chứng kiến, cũng không làm biên nhận.

Ngày 18 tháng 02 năm 2023 (âm lịch), ông X qua phụ giúp bà dọn nhà, ông X kêu bà đưa cho ông X 14 chiếc vòng có trọng lượng 1,1 lượng vàng 18k, 01 sợi dây chuyền và mặt dây chuyền trọng lượng 6,5 chỉ vàng 18k, tổng cộng 17 chỉ 5 phân vàng 18k cho ông X giữ để đến ngày đón dâu ông Xuân trình cho trước mặt dòng họ hai bên nên bà đã đưa lại cho ông X; khi đưa vàng cho ông X, chỉ có bà và ông X, không ai chứng kiến. Còn đôi bông tai trọng lượng 7,6 phân vàng 18k và 01 chỉ vàng 24k thì hiện nay bà đang giữ.

Sau khi ông X nộp tài 20.000.000 đồng xong, bà và ông X không có mâu thuẫn gì, ông X cũng không gặp bà để huỷ đám cưới, do đó bà vẫn tổ chức đám cưới như ngày đã định nhưng ông X không qua đón dâu, bà đã sử dụng số tiền 20.000.000 đồng vào việc tổ chức đám cưới nên không còn, do đó không đồng ý trả theo yêu cầu của ông X.

Đối với 17 chỉ 5 phân vàng 18k (gồm vòng và dây chuyền, mặt dây chuyền), 03 chỉ vàng 24k, bà đã đưa lại cho ông Xuân giữ. Đối với đôi bông tai 7,6 phân vàng 18k, ông X không yêu cầu trả nên bà không có ý kiến gì, bà chỉ còn giữ 01 chỉ vàng 24k. Nay bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông X, do tổ chức đám cưới nhưng ông X không qua đón dâu, làm mất uy tín của bà. Bà và ông X chưa đăng ký kết hôn, không có con chung.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2023/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn X đối với bà Nguyễn Thị P.

- Buộc bà Nguyễn Thị P trả cho ông Phạm Văn X 02 chỉ vàng 24k và 8 chỉ 7 phân 5 ly vàng 18k; loại vàng lưu hành tại địa phương.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn X đối với 20.000.000 đồng; 03 chỉ vàng 24k và 9 chỉ 5 phân 1 ly vàng 18k.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 tháng 10 năm 2023, bị đơn bà Nguyễn Thị P kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2023/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử; Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2023/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị đơn hợp lệ. Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276 và Điều 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Phạm Văn X yêu cầu bà P trả cho ông 02 chỉ vàng 24k và 8 chỉ 7 phân 5 ly vàng 18k, loại vàng lưu hành tại địa phương. Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 03 chỉ vàng 24k, 9 chỉ 5 phân 1 ly vàng 18k, số tiền 20.000.000 đồng.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị P:

[3.1] Bà Nguyễn Thị P thừa nhận có nhận của ông Phạm Văn X 04 chỉ vàng 24k và 17 chỉ 05 phân vàng 18k để hai bên tiến tới hôn nhân. Bà P cho rằng sau khi ông X đưa số vàng trên cho bà, vài ngày sau ông X đã mượn lại số vàng này, nên bà không đồng ý giao lại $\frac{1}{2}$ số vàng như yêu cầu của ông X. Tuy nhiên, đây chỉ là lời trình bày của bà P, không có chứng cứ chứng minh. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp.

[3.2] Ông Phạm Văn X cho vàng bà Nguyễn Thị P nhằm mục đích cho cuộc sống chung của hai người. Song, mục đích không đạt được nên ông X yêu cầu bà P giao trả lại cho ông $\frac{1}{2}$ số vàng đã nhận là hợp lý công bằng, đúng quy định pháp luật.

[3.3] Từ những nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của của bị đơn bà Nguyễn Thị P, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Các phần khác của Bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí có giá ngạch đối với số vàng phải trả cho ông X là 02 chỉ vàng 24k và 8 chỉ 7 phân 5 ly vàng 18k; giá vàng 24k tại thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 24/8/2023) là 5.660.000 đồng/1 chỉ, giá vàng 18k là 4.260.000 đồng/1 chỉ nên bà P phải chịu án số tiền 2.429.750 đồng ((02 chỉ vàng 24k x 5.660.000 đồng/1 chỉ = 11.320.000) + (8 chỉ 7 phân 5 ly x 4.260.000 đồng/1 chỉ = 37.275.000 đồng) x 5% = 2.429.750 đồng), điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do ông X là người cao tuổi, có đơn xin miễn tạm ứng án phí (bút lục 24), nên đã được miễn nộp tạm ứng án phí khi thụ lý tại cấp sơ thẩm, theo quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi, điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 298, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 5, 6, 462 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 và Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị P. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn X đối với bà Nguyễn Thị P.

- Buộc bà Nguyễn Thị P trả cho ông Phạm Văn X 02 chỉ vàng 24k và 8 chỉ 7 phân 5 ly vàng 18k; loại vàng lưu hành tại địa phương.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn X đối với 20.000.000 đồng; 03 chỉ vàng 24k và 9 chỉ 5 phân 1 ly vàng 18k.

3. Về án phí dân sự:

Bà Nguyễn Thị P phải chịu 2.429.750 đồng (Hai triệu bốn trăm hai mươi chín ngàn bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm. Bà P đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009516 ngày 04/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đông Hải;
- CCTHADS huyện Đông Hải;
- Dương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Phan Công Trí